TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-11-2018
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Đại Hải
2. Bà Phan Thị Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thủy Triều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2018, về: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm: 1960
Địa chỉ cư trú: Xóm 3, xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
Chỗ ở hiện nay: Số 2/3 Quang Trung, phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Vĩnh Phúc N, sinh năm: 1958
Địa chỉ cư trú: Số 09 Lam Sơn, tổ dân phố Lam Sơn, phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày: Bà và ông Vĩnh Phúc N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01, cấp ngày 12/01/2004.

Trong quá trình chung sống với nhau tại thành phố Đ, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 01/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân ông N thường xuyên uống rượu rồi gây sự, chửi bới, đánh đập bà và đập phá đồ đạc, thời gian đó ông N bỏ nhà đi khoảng 3 tháng rồi quay về chung sống với bà nhưng ông N vẫn chứng nào tật đó. Đến tháng 9/2017 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông N lại bỏ nhà đi về C sinh sống và vợ chồng không còn chung sống từ đó đến nay. Bà thấy quan điểm trong cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông N có nhiều vấn đề khác biệt và không cùng quan điểm, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vĩnh Phúc N.

Về con chung: Bà T và ông N không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T; Về con chung: Bà T và ông N không có con chung, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có. Bà T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong trong hồ sơ vụ án:

Trích lục kết hôn.

Chứng minh nhân dân mang tên Đinh Thị T.

02 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Đinh Thị T, chủ hộ Huyền Tôn Nữ Thanh Thảo.

Đơn xác nhận của UBND phường Ba Ngòi.

Biên bản xác minh ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Vĩnh Phúc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[1.2] Bà Đinh Thị T yêu cầu ly hôn ông Vĩnh Phúc N. Yêu cầu của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà T và ông N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Ba Ngòi, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01, cấp ngày 12/01/2004. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Bà T và ông N chung sống với nhau tại Đ được 10 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông N thường xuyên uống rượu rồi gây sự, chửi bới, đánh đập bà và đập phá đồ đạc, đến tháng 9/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng có nhiều vấn đề khác biệt và không cùng quan điểm sống, ông N vẫn chứng nào tật nấy làm cho bà bị tổn thương cả thể xác lẫn tinh thần, vợ chồng không còn chung sống từ đó đến nay, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, khi mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài đến nay thì giữa ông N và bà T không tìm ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông N cũng không đến tòa để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ ông thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Tại biên bản xác minh ngày 21/9/2018, chính quyền địa phương cho biết: "Bà Đinh Thị T và ông Vĩnh Phúc N chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn năm 2005. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không còn chung sống từ tháng 10/2017".

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn ông N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông N không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Bà T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Bà Đinh Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị T được ly hôn ông Vĩnh Phúc N.

2. Về con chung: Bà Đinh Thị T và ông Vĩnh Phúc N không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

3. *Về tài sản chung*: Bà Đinh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000074 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Đinh Thị T đã nộp đủ.

Bà Đinh Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Vĩnh Phúc N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường Ba Ngòi
- Lưu hồ sơ, án văn